

GIẢI THÍCH PHẨM SÁU MƯƠI BA: BÌNH ĐẲNG HỌC

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp bình đẳng của các Bồ-tát, Bồ-tát nên học?

Này Tu-bồ-đề! Nội không là pháp bình đẳng của Bồ-tát; ngoại không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. Sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, về... . . . thức tướng không cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. An trú pháp bình đẳng ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vì sắc tận nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc lìa nên học, vì sắc diệt nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tận, ly diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như lời ông nói: Vì sắc, tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; vì thọ, tướng, hành, thức, cho đến mười tám pháp không chung tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như như, thọ, tướng, hành, thức như như cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như như; Phật như như; các như ấy tận, diệt, đoạn chẳng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí. Như như ấy không thủ chứng, không diệt, không đoạn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí, là học sáu Ba-la-mật, là học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu học sáu

Ba-la-mật cho đến mười tám pháp không chung ấy là học Nhất thiết trí. Học như vậy là tận bờ mé của sự học, học như vậy thì ma hoặc ma trời không thể phá hoại; học như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển; học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; học như vậy là học pháp luân có ba lần chuyển, mười hai hành tướng; học như vậy là học độ chúng sinh; học như vậy là học không dứt giống Phật; học như vậy là học mở cửa cam lồ; học như vậy là học muốn chỉ bày tính vô vi. Nay Tu-bồ-đề! Người hạ liệt không thể học như vậy. Người học như vậy là vì muốn kéo chúng sinh ra khỏi đấm chìm sinh tử. Bồ-tát học như vậy trọn không bị đọa vào địa ngục, nga quý, súc sinh; trọn không sinh nơi biên địa; trọn không sinh nhà Chiên-đà-la; trọn không điếc, đui, ếm ớ, què quặt; các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu; trọn không mồ côi cùng khổ. Bồ-tát học như vậy trọn không sát sinh cho đến trọn không tà kiến, không sống theo tà mạng, không thâu nhiếp người ác và người phá giới. Học như vậy do có sức phương tiện, nên không sinh cõi trời trường thọ.

Thế nào là sức phương tiện? - Như đã nói trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát do sức phương tiện nên vào bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, mà không theo thiên vô lượng vô sắc định sinh ra. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với hết thấy pháp được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích-chi Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thấy pháp tính vốn thanh tịnh, vì sao nói Bồ-tát đối với hết thấy pháp thanh tịnh?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Hết thấy pháp tính vốn thanh tịnh, nếu Bồ-tát đối với pháp ấy tâm thông suốt, không thối mất tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Các pháp như vậy hàng phàm phu không biết không thấy. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với hết thấy pháp được trí lực không có sợ gì; học như vậy vì liễu tri tâm chúng sinh hướng về đâu. Thí như đại địa, ít chỗ xuất sinh vàng bạc trân bảo. Chúng sinh cũng như vậy, ít người học được Bát-nhã Ba-la-mật, nhiều người rơi vào Thanh văn, Bích-chi Phật địa. Thí như ít người chịu tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương, nhiều người tạo nghiệp làm tiểu vương. Cũng như vậy, ít chúng sinh tu Bát-nhã Ba-la-mật cầu Nhất thiết trí, nhiều người tu đạo Thanh văn, Bích-chi Phật. Tu-bồ-đề! Trong các Bồ-tát phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có người tu hành đúng như kinh nói, nhiều người trụ vào

địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật.

Có nhiều Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật vì không có sức phương tiện nên ít người trụ địa vị chẳng thoái chuyển. Tu-bồ-đề! Do lẽ đó Bồ-tát muốn trụ địa vị chẳng thoái chuyển, muốn ở trong số Bồ-tát chẳng thối chuyển, hãy nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Khi Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật không sinh tâm xan tham, không sinh tâm phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ngu si; không sinh các tâm tội lỗi khác; không sinh tâm thủ tướng sắc, thủ tướng thọ, tướng, hành, thức; không sinh tâm thủ tướng bốn niệm xứ cho đến không sinh tâm thủ tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm, không có pháp khả đắc; vì không có pháp khả đắc nên đối với các pháp không sinh tâm thủ tướng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, thu nhiếp các Ba-la-mật làm cho các Ba-la-mật tăng trưởng, các Ba-la-mật đều đi theo. Vì sao? Vì các Ba-la-mật đều thu vào trong Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm; thí như trong ngã kiến thu nhiếp hết sáu mươi hai kiến. Cũng như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thu nhiếp hết các Ba-la-mật; thí như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác đều diệt theo. Như vậy, Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thì các Ba-la-mật kia đều đi theo. Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn làm cho các Ba-la-mật qua đến bờ kia, nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm ấy, thì vượt lên trên hết thấy chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề còn nhiều, huống gì trong ba ngàn đại thiên thế giới!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới cùng một lúc đều được làm thân người, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và nếu có Bồ-tát suốt đời cúng dường bảy mươi đức Phật đó y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, vật cần dùng nuôi sống thì này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy do nhân duyên ấy được phước đức nhiều chăng?

- Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ học Bát-nhã Ba-la-mật, tu đúng như kinh nói, nhớ nghĩ đúng, được phước đức nhiều hơn. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật có thể lực có thể làm cho Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ-tát muốn vượt lên trên hết thấy chúng sinh, nên học Bát-nhã Ba-la-mật; muốn vì chúng

sinh không có ai cứu hộ làm người cứu hộ, muốn làm chỗ nương về cho chúng sinh không có chỗ nương về, muốn làm đạo rớt ráo cho chúng sinh không có đạo rớt ráo, muốn làm mắt cho người đui, muốn được công đức Phật, muốn làm tiếng rống sư tử của Phật, muốn đánh chuông trống Phật, muốn thổi loa Phật, muốn lên tòa cao Phật thuyết pháp, muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sinh thì nên học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nếu học Bát-nhã Ba-la-mật thậm thâm thì các công đức lành không việc gì không làm được.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể còn được công đức Thanh văn, Bích-chi Phật chăng?

Phật dạy: Công đức Thanh văn, Bích-chi Phật có thể được nhưng không trụ ở trong đó, dùng trí quán sát rồi, đi thẳng qua mà vào Bồ-tát vị. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy là gần Nhất thiết trí, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát học như vậy là làm ruộng phước cho hết thấy thế gian trời, người, A-tu-la. Bồ-tát học như vậy là vượt qua trên ruộng phước của Thanh văn, Bích-chi Phật, chóng gần Nhất thiết trí. Bồ-tát học như vậy gọi là không bỏ, không rời Bát-nhã Ba-la-mật mà thường tu Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát học như vậy nên biết là Bồ-tát chẳng thối chuyển, chóng gần Nhất thiết trí, xa lìa Thanh văn, Bích-chi Phật, gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật nếu nghĩ rằng: “Ta do Bát-nhã Ba-la-mật mà được trí Nhất thiết chủng”, thì do nghĩ như vậy không gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu không nghĩ rằng: “Đó là Bát-nhã Ba-la-mật, đó là người có Bát-nhã Ba-la-mật, đó là pháp Bát-nhã Ba-la-mật, đó là người hành Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, thì đó gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: “Không có Bát-nhã Ba-la-mật, không có người Bát-nhã Ba-la-mật, không có người hành Bát-nhã Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều như như, pháp tánh, thật tế, thường trú”, thì hành như vậy gọi là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Trên kia A-nan hỏi về đấu tranh. Phật đáp về đồng học thanh tịnh. Nay Tu-bồ-đề hỏi Phật những pháp bình đẳng về đồng tâm sâu xa là học xứ của Bồ-tát. Phật đáp: Nội không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ-tát. Có hai đẳng nhãn: Ở cuối phẩm trên nói về Chúng sinh đẳng nhãn, ở phẩm này nói về Pháp đẳng nhãn; như chiếc cân hai đầu đứng ngang nhau. Như vậy, nội không v.v... là bình đẳng giữa các pháp. Như pháp bên trong thân mỗi mỗi sai biệt, nếu được “nội

không” thì đều bình đẳng không hai; cho đến “tự tướng không” thì hết thấy pháp tướng đều tự không, khi ấy thì tâm bình đẳng. Bồ-tát trú trong bình đẳng ấy, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề hỏi: Vì sắc diệt tận hay vì học Nhất thiết trí nên quán sắc vô thường, niệm niệm diệt không an trụ; nếu tu được quán ấy thì tâm lìa sắc, tâm lìa sắc nên các phiền não diệt; phiền não diệt nên được pháp vô sinh.

Tu-bồ-đề hỏi: Học như vậy là học Nhất thiết trí chăng? - Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Như của sắc v.v... và như của Như Lai, như ấy bị tận, diệt, đoạn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không. Như ấy từ trước tới nay không nhóm, không hòa hợp làm sao có tận; xưa nay chẳng sinh làm sao có diệt; Pháp ấy vốn hư dối, không có định tướng làm sao có thể đoạn. Tu-bồ-đề! Bồ-tát học “như” được như vậy là học Nhất thiết trí. Như ấy thường không thể chứng, không thể diệt, không thể đoạn; tận, ly, đoạn là vì trừ diên đảo cho nên tu hành, chẳng phải rất ráo. Ở trong này nói việc rất ráo được Phật khen ngợi: Học như vậy tuy không cố định vì một pháp mà học Nhất thiết trí, nếu học Nhất thiết trí tức là học sáu Ba-la-mật; nếu học được sáu Ba-la-mật là cùng tận bờ mé các pháp học. Nếu tận cùng bờ mé các pháp học, thì người ấy đầy đủ vô lượng phước đức và trí tuệ, ma hoặc ma dân không thể hàng phục. Học cách chính đáng như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được mười phương chư Phật và đại Bồ-tát, chư thiên và người lành thủ hộ. Học được như vậy, người ấy không có tà kiến, tâm không vương mắc gì, đối với chúng sinh khởi tâm đại từ đại bi; vì đại từ đại bi nên có thể giáo hóa chúng sinh; tâm chúng sinh thanh tịnh nên cõi Phật thanh tịnh; cõi Phật thanh tịnh rồi được Phật đạo, chuyển pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng, dùng pháp ba thừa độ vô lượng chúng sinh. Vì dùng pháp Đại thừa độ chúng sinh nên không dứt giống Phật; không dứt giống Phật nên thường mở cửa pháp cam lồ giữa thế gian, thường chỉ bày cho chúng sinh tính vô vi. Tính vô vi là như như, pháp tánh, thật tế, Niết-bàn; cam lồ là tính vô vi; cửa là ba cửa giải thoát. Kẻ hạ liệt là kẻ biếng nhác, buông lung, không ưa Phật pháp, không nhất tâm hành đạo, làm tội phước hoan tạp. Những người như vậy không thể học pháp vô vi. Vì sao? Vì kẻ hạ liệt nghĩ rằng: Thân ta và quyến thuộc ta, ta nên bảo hộ, các chúng sinh khác can dự gì việc ta, mà ta đem đầu, mắt, tủy, não cho họ để họ được vui; hết thấy mọi người đều dùng phương tiện tìm vui, sao ta lại bỏ vui tìm khổ. Hoặc sinh tà kiến nghĩ rằng: Chúng sanh vô lượng vô biên độ

không thể hết, nếu có thể độ hết, tức là có lượng có biên, một đức Phật có thể độ hết. Hoặc nghĩ rằng: Phật nói hết thấy pháp không, không sinh không diệt, vậy ta còn độ cái gì! Cầu Phật đạo hay không cầu Phật đạo đều đồng như huyễn mộng. Người hạ liệt nghĩ như vậy, do vì tà kiến tham dục nên không thể học đại pháp này. Hoặc có khi Đại nhơn xuất thế, trừ lượng, suy nghĩ thực tướng các pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, chẳng phải có, chẳng phải không. Hành đạo như vậy có thể phá tà kiến điên đảo xong, trở lại bỏ đạo ấy, đi thẳng vào pháp tánh và thường an trú trong pháp tánh thanh tịnh ấy. Vì chúng sinh không biết việc ấy nên sinh tâm đại bi, vậy sau tu tập các công đức sáu Ba-la-mật, thần thông, trí tuệ, giải thoát vô ngại, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng các môn phương tiện, rộng độ chúng sinh, hạ người như vậy thật hiếm có.

Hỏi: Như trước nói chúng sinh vô lượng vô biên, lại nói chúng sinh không, vậy còn độ cái gì? Làm sao có thể độ?

Đáp: Đó là lời nói của người hạ liệt, đâu đủ lấy đó làm chứng.

Lại nữa, trước đã nói lý do vì tà kiến, tham dục nên người hạ liệt nghĩ rằng: Chúng sinh có biên, không biên, hết thấy pháp không, không có gì của chính nó, hoặc nghĩ rằng hết thấy pháp thường, thật, đó đều nhiếp thuộc vào sáu mươi hai tà kiến. Bạc đại nhơn không có ham muốn, suy nghĩ, trừ lượng lia các tội lỗi như vậy, an trú trong pháp tính, sinh tâm đại bi. Thí như người lớn chỉ đem tâm bố thí, thí tài vật cho người khác mà không lấy giá cả. Còn người tham dục tìm có lý do mới bố thí. Người tà kiến dựa vào chấp kiến có biên, không biên nên không có việc gì không có lợi mà làm. Thí như tiểu nhơn buôn bán giữa chợ, cầu có lợi mới trả cho. Lại Đại nhơn Bồ-tát không có cầu mong gì vẫn có thể đem đầu mắt thí cho chúng sanh, được quả báo gì cũng thí luôn; tâm không nương tựa vào một pháp nào mà vẫn tập hợp được các công đức. Thế nên Phật dạy: Muốn kéo chúng sinh ra khỏi dòng sinh tử chìm đắm, hãy nên học như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát học như vậy, thường có tâm từ bi thương xót, không não hại chúng sinh, nên không đọa địa ngục, thường quán thật tướng của các pháp như duyên sinh, không sinh ngu si nên không đọa súc sinh; thường tu bố thí, diệt tâm xan tham, nên không sinh vào ngã quỷ. Đối với mười hai bộ Kinh, bốn mươi tám ngàn pháp tụ của Phật dạy, thường không lẫn tiếc, nên không sinh nơi biên địa. Thường cúng dường bậc thiện như tôn trưởng, bỏ tính kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện Chiên-đà-la. Vì thâm tâm yêu mến chúng sinh, làm đủ hạnh lợi ích

nên thọ thân hoàn mỹ. Lấy thiện pháp giáo hóa chúng sanh nên quyền thuộc thành tựu, trọn không bị mô côi nghèo cùng. Vì ưa vui sâu xa thí Ba-la-mật, nên không làm mười điều ác và sống tà mạng. Vì không có tâm chấp ngã, chỉ vì lợi ích chúng sinh, không tự vì thân mình nên không thâu nhiếp kẻ ác và người phá giới. Người ác là người có tâm ác, người phá giới là người có thân và miệng ác.

Lại ý làm ba việc chẳng lành gọi là người ác, thân và miệng làm bảy việc chẳng lành gọi là phá giới. Lại Bồ-tát nếu ở nhà, thu nhiếp người ác gọi là người ác, xuất gia thu nhiếp người ác gọi là phá giới.

Hỏi: Bồ-tát vì độ người ác nên xuất hiện ở đời, thí như lương y chữa các bệnh tật, cơ sao không thâu nhiếp người ác?

Đáp: Người ác, người phá giới có hai hạng: Hạng có thể cải hóa, hạng không thể cải hóa, trong đây nói hạng không thể cải hóa, nếu thâu nhiếp họ ở chung, thì tự hoại đạo mình mà đối với họ vô ích. Thí như cứu kẻ bị chìm, tự mình không nổi được mà muốn cứu kẻ kia, thì cả hai đều chết, thế nên nói: Nên xa lìa người ác. Vì cõi Dục nhiều ác, sinh tâm thương xót nên sinh cõi Dục; tuy hành thiện, tâm điều hòa mềm dịu, do có sức phương tiện nên khi mệnh chung không sinh theo thiện, như trong kinh rộng nói: Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với các pháp tâm được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích-chi Phật, thanh tịnh nghĩa là lìa bỏ, rốt ráo không, không có gì.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nếu hết thấy pháp từ trước lại đây vốn “không”, vốn thanh tịnh tại sao nói Bồ-tát học như vậy được tâm thanh tịnh đối với hết thấy các pháp?

Phật chấp thuận lời Tu-bồ-đề và nói như duyên rằng: Nếu Bồ-tát biết hết thấy pháp từ trước lại đây vốn “không” thanh tịnh, đối với trong đó tâm không biến mất không từ khước. Không biến mất tức là không nghi ngờ, không sinh tà kiến, thông suốt, không chống trái với “không” ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Hàng phàm phu không nhiếp, không thấy pháp thanh tịnh như vậy, vì hạng người ấy nên Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật và các pháp trợ đạo. Pháp của Bồ-tát là phải giáo hóa chúng sinh, ấy gọi là Bồ-tát được thanh tịnh đối với hết thấy pháp, nghĩa là bỏ cái điên đảo của ba cõi, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, được lực trí tuệ thanh tịnh đối với hết thấy pháp. Được công đức ấy nên có thể biết khắp về nghiệp như duyên và tâm tâm số pháp, biết tâm hành khởi lên của chúng sinh trong ba đời mười phương; biết rồi theo sự thích hợp với họ nói pháp khai hóa họ. Những việc lợi ích như vậy đều do học Bát-nhã nên có được, thế nên nói cùng tận bờ mé các sự học. Ít có người học được

như vậy, người học như vậy khó có được. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ vàng, bạc, và tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương.

Lại nữa, Bồ-tát khi học Bát-nhã, không sinh tâm xan tham. Không sinh tâm xan tham là Bồ-tát học Bát-nhã nên ức chế các phiền não, phiền não tuy chưa sạch hết, nhưng không thể làm chi được, nên nói là chẳng sinh. Bồ-tát học Bát-nhã biết tướng hết thấy pháp đều hư dối không thật, nên không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng Vô thường Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì không muốn bị rơi vào tà kiến chấp có, chấp không, nên đi thẳng trung đạo tập hành Bồ-tát. Trong đây Phật tự nói nhưn duyên: Bồ-tát tu Bát-nhã đối với hết thấy pháp không có sở đắc, vì không có sở đắc nên không có tướng pháp khả thủ là lành, hoặc chẳng lành. Bồ-tát nếu học như vậy là tổng nhiếp hết các Ba-la-mật. Các Ba-la-mật như Thí Ba-la-mật v.v... không lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì lực của Bát-nhã Ba-la-mật khiến cho các Ba-la-mật khác lìa các tà kiến tham đắm đều được tăng trưởng. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như ngã kiến và mạng căn đã hết.

Hỏi: Ngã kiến và các kiến đều có tướng riêng, cơ sao các kiến lại nhiếp vào trong ngã kiến?

Đáp: Tuy có tướng riêng mà ngã kiến là gốc; người ta vì vô minh nên trong năm uẩn trống không sinh ra ngã kiến. Vì sinh ngã kiến nên nói thân này sau khi chết như đi từ đây đến kia, hoặc không như đi từ đây đến kia. Nếu như đi từ đây đến kia tức là thường kiến, nếu không như đi từ đây đến kia tức là đoạn kiến. Nếu cho là đoạn diệt mà lo thụ hưởng cái vui say sẩm năm dục đời nay, lấy ác pháp cho là tối ưu, thì sinh kiến thủ. Nếu bảo thường mà xuất gia học đạo, giữ giới, khổ hạnh, thì sinh giới cấm thủ. Hoặc thấy thường, đoạn đều có lỗi bèn nói không có nhưn duyên quả báo thì sinh tà kiến. Từ trong năm kiến ấy chấp thế gian hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc hữu biên, hoặc vô biên v.v... sinh ra năm mươi bảy chấp kiến. Thế nên nói thân kiến (ngã kiến) thu nhiếp sáu mươi hai kiến, không có lỗi. Do các nhưn duyên và thí dụ như vậy nên biết Bát-nhã Ba-la-mật là tối đệ nhất trong các pháp; vì Bát-nhã Ba-la-mật tối đệ nhất trong các pháp nên Bồ-tát học Bát-nhã là người đệ nhất giữa chúng sinh. Phật muốn lấy việc ấy, thiện hóa chúng sinh nên nói thí dụ: Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chăng? Như vậy! Cho đến Bồ-tát học Bát-nhã như vậy, nên biết đó là bậc chẳng thoái chuyển, xa lìa Nhị thừa, gần gũi Phật thừa.

Lại nữa, Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: Bát-nhã Ba-la-

mật là khai thị tướng Bát-nhã Ba-la-mật hoặc có, hoặc không v.v...; nếu thấy có Bát-nhã, được Bát-nhã là chấp trước Bát-nhã. Ta nhờ Bát-nhã Ba-la-mật được trí Nhất thiết chủng, biết năm uẩn hòa hợp giả gọi là Bồ-tát, Bồ-tát theo tên gọi giả, chấp cho là ngã, cho đó là Bát-nhã có làm; Bát-nhã là không có tướng được, không có tướng chấp trước mà người ấy bảo có tướng Bát-nhã đệ nhất nghĩa, người ấy theo tên gọi giả, mà sinh ngã tâm. Bát-nhã tướng không có làm mà người ấy muốn dùng Bát-nhã tạo tác, cho rằng ta dùng Bát-nhã mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Phật dạy: Người nghĩ như vậy không gọi là tu Bát-nhã; nếu không nghĩ như vậy thì gọi là tu Bát-nhã.

Hỏi: Nghĩ như vậy, không nghĩ như vậy, việc đã rồi, cứ sao còn nói lần thứ ba?

Đáp: Đầu hết là chỉ tướng tà hạnh; thứ hai là ngăn tà hạnh nhưng chưa nói tướng chánh hạnh; thế nên thứ ba nói tướng chánh hạnh.

Lại nữa, đầu là tâm chấp trước thủ tướng; thứ hai là phá tướng chấp trước ấy mà không nói thế nào là tướng các pháp; thứ ba phá chấp trước tà và nói thật tướng. Bồ-tát nghĩ rằng: Nơi hết thấy chỗ không hiển bày tướng Bát-nhã Ba-la-mật, cũng không sinh ngã tâm rằng, ta dùng Bát-nhã Ba-la-mật có công việc làm; chỉ biết hết thấy pháp thường trú trong như, pháp tánh, thực tế không tranh cãi. Thế nên nói lần thứ ba, không có lỗi.